

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LÀO CAI  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 17/9/2020  
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Huy Cầm  
Ông Hoàng Văn Ngân

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Nhâm Đình Mạnh- Là thư ký của Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Trần Thị H( tên gọi khác: H);  
Nơi ĐKKHTT: Tổ 07, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai  
Nơi ở hiện nay: Tổ 06, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai- có mặt

***- Bị đơn:*** Anh Trần Quốc H;  
Nơi ĐKKHTT: Tổ 07, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai.  
Nơi ở hiện nay: Tổ 11, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai- có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 16/7/2020, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Trần Quốc H kết hôn vào ngày 29/7/1999 hôn nhân do hai người tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do

hai người luôn xảy ra đánh, cãi chửi nhau vợ, chồng sống không có sự yêu thương, chia sẻ dẫn đến trong cuộc sống không có tiếng nói chung, anh H có quan hệ với người phụ nữ khác và chung sống như vợ chồng với nhau. Khi mâu thuẫn gia đình xảy ra chị em bên nội đã can thiệp hòa giải nhưng cuộc sống gia đình vẫn không cải thiện được mà ngày càng trở lên trầm trọng. Chị H và anh H đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, hai người không ai quan tâm đến ai cả về tình cảm và kinh tế. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn hạnh phúc. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Quốc H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị H và anh H có với nhau 02 người con chung là cháu Trần Thị Lan A, sinh ngày 19/10/1999 và cháu Trần Quốc Việt A, sinh ngày 23/4/2010. Nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được quyền nuôi dưỡng cháu Trần Quốc Việt A, sinh ngày 23/4/2010 đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Trần Quốc H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung; còn cháu Trần Thị Lan A hiện nay cháu đã đủ 18 tuổi, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Trần Quốc H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quốc H thừa nhận các lời khai của chị H về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xảy ra là đúng. Nguyên nhân chính là do trong cuộc sống vợ, chồng sống không có sự yêu thương, chia sẻ chị H luôn xúc phạm anh H, do không kìm chế được bản thân nên anh H đã đánh chị H như chị H đã trình bày, dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt không có hạnh phúc. Khi mâu thuẫn xảy ra, chị em gia đình nội đã can thiệp hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được mà ngày càng trở lên trầm trọng, anh và chị H đã sống ly thân năm 2017 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H thực sự không còn hạnh phúc, anh H cũng có nguyện vọng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh và chị H có với nhau 02 người con chung như chị H trình bày là đúng. Nay ly hôn, anh đề nghị Tòa án cho anh được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Quốc Việt A, sinh ngày 23/4/2010 đến đủ cháu 18 tuổi và không yêu cầu chị H phải đóng góp tiền nuôi con chung; còn cháu Lan A hiện nay đã đủ 18 tuổi, nên anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Bị đơn không đề nghị Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật : Ngày 16/7/2020 chị Trần Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai giải quyết về việc ly hôn, nuôi

con khi ly hôn giữa chị và anh Trần Quốc H; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 07, phường Bắc, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định mối quan hệ pháp luật, nguyên đơn chị Trần Thị H đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai giải quyết là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Trần Quốc H kết hôn vào ngày 29/7/1999 hôn nhân do hai người tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Sau khi kết hôn trong cuộc sống vợ, hạnh phúc đến khoảng thời gian năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H nghi ngờ anh H không chung thủy, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn đánh, cãi chửi nhau tình cảm vợ chồng rạn nứt, hai người sống không có sự yêu thương, chia sẻ, tôn trọng nhau. Mâu thuẫn của anh, chị cũng đã được anh, em hai bên gia đình hòa giải xong tình cảm vợ, chồng không cải thiện được mà ngày càng trở lên trầm trọng. Chị Trần Thị H và anh Trần Quốc H đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ, chồng giữa chị Trần Thị H và anh Trần Quốc H đã kéo dài, hôn nhân đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Trần Thị H và anh Trần Quốc H đều thừa nhận hai người đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai cả về tình cảm và kinh tế. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Trần Thị H và anh Trần Quốc H đều nhất trí ly hôn, nên Hội đồng xét xử cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Trần Quốc H là phù hợp với Điều 55; Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 02 người con chung là cháu Trần Thị Lan A, sinh ngày 19/10/1999 và cháu Trần Quốc Việt A, sinh ngày 23/4/2010. Hiện nay, cháu Trần Thị Lan A đã đủ 18 tuổi nên nguyên đơn và bị đơn không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với cháu Trần Quốc Việt A hiện đang sống cùng với chị H. Khi ly hôn nguyên đơn có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Trần Quốc Việt A, sinh ngày 23/4/2010 đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Trần Quốc H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Bị đơn cũng có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Quốc Việt A, sinh ngày 23/4/2010 đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, tại đơn đề nghị và tại văn bản hỏi ý kiến của con dưới 07 tuổi cháu Trần Quốc Việt A đều có nguyện vọng ở với mẹ. Tại phiên tòa hôm nay theo yêu cầu của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử hỏi ý kiến của cháu và tại phiên tòa cháu Việt A cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Xét về điều kiện nuôi con của nguyên đơn: Chị Thị H hiện nay đang làm buôn bán Hoa quả tự do tại chợ Kim Tân, mức thu nhập tháng là 8.000.000đ (*Tám*

triệu đồng)/ tháng. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Trần Quốc Việt A hiện nay còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ, chị H có thu nhập ổn định, có đủ thời gian, điều kiện để chăm sóc. Hơn nữa anh H cũng thừa nhận từ khi vợ chồng ly thân đến nay chị H là người nuôi dưỡng cháu, chăm sóc cháu và từ năm 2019 đến nay do anh H làm ăn khó khăn, không có thu nhập nên anh H cũng không đóng góp khoản tiền nào cho chị H để nuôi dưỡng cháu Việt A. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho cháu Việt A về mọi mặt. Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của chị Trần Thị H; không chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của anh Trần Quốc H. Giao cháu Trần Quốc Việt A, sinh ngày 23/4/2010 cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 – Luật Hôn nhân & gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh Trần Quốc H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51; Điều 55; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H (tên gọi khác: H)

-Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H (tên gọi khác: H) và anh Trần Quốc H. Quan hệ hôn nhân của chị Trần Thị H (tên gọi khác: H) và anh Trần Quốc H chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

-Về con chung: Giao cháu Trần Quốc Việt A, sinh ngày 23/4/2010 cho chị Trần Thị H (tên gọi khác: H) trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi cháu Trần Quốc Việt A đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Trần Quốc H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

**2. Về án phí:** Chị Trần Thị H (tên gọi khác: H) phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008462 ngày 22/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Lào Cai; Xác nhận chị Trần Thị H (tên gọi khác: H) đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lào Cai (1);
- VKSND TP. Lào Cai (2);
- Chi cục THADS TP.Lào Cai (1);
- Các đương sự (2);
- UBND p. Bắc Cường, TP Lào Cai;
- Lưu Văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1);

*( Đã ký)*

**Nguyễn Thị Thúy Hằng**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thúy Hằng**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lào Cai (1);
- VKSND (2);
- THADS TP. Lào Cai (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu Văn phòng (1);
- UBND xã Xuân Giao (1).
- Lưu HSVA./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thúy Hằng**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thúy Hằng**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lào Cai (1);
- VKSND tỉnh Lào Cai (1);
- VKSND TP. Lào Cai (1);
- Chi cục THADS TP. Lào Cai (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu Văn phòng (1), hồ sơ (1);
- UBND xã Tề Lỗ (1).

**Nguyễn Thị Thúy Hằng**



